

## **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

*(Theo mẫu tại Phụ lục II – Kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ)*

### **VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**

**Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:**

**TÔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY  
TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM**

**Trụ sở chính:** Số 51 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**Website:** [www.datc.vn](http://www.datc.vn)

**Điện thoại:** (84-24) 3945 4738 Fax: (84-24) 3945 4737

**Hà Nội, tháng 11/2021**

**MỤC LỤC**

|                                                                                                                                                        |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>                                                                   | <b>4</b>  |
| <b>II. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>                                                                                                                         | <b>4</b>  |
| <b>III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG.....</b>                                                          | <b>5</b>  |
| 1. Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....                                         | 5         |
| 2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có lô cổ phần kèm nợ phải thu đầu tư cần chuyển nhượng .....                                                        | 6         |
| 3. Số cổ phần sở hữu .....                                                                                                                             | 6         |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3) .....</b>    | <b>6</b>  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....                                                                                                    | 6         |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty:.....                                                                                                                        | 10        |
| 3. Cơ cấu cổ đông .....                                                                                                                                | 12        |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất.....                                                  | 13        |
| 5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                                                                                                                 | 20        |
| 6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021 .....                                                                                                         | 21        |
| 7. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty .....                                                                                   | 21        |
| 8. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu..... | 22        |
| 9. Thông tin về Khoản nợ phải thu tại LM3 bán kèm cổ phần.....                                                                                         | 22        |
| <b>V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU .....</b>                                                           | <b>24</b> |
| 1. Loại cổ phần .....                                                                                                                                  | 24        |
| 2. Mệnh giá.....                                                                                                                                       | 24        |
| 3. Lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến chuyển nhượng.....                                                                                               | 24        |
| 4. Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh: 9.340.000.000 đồng/lô cổ phần kèm nợ phải thu.....                                                               | 25        |
| 5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm .....                                                                                                          | 25        |
| 6. Phương thức chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.....                                                                                           | 26        |
| 7. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh.....                                                                                                          | 26        |
| 8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu .....                                                                                  | 27        |

|                                                                                                                                                                                                                            |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 9. Thời gian đăng ký mua lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến .....                                                                                                                                                          | 27        |
| 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....                                                                                                                                                               | 27        |
| 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.....                                                                                                                                           | 27        |
| 12. Các loại thuế có liên quan: .....                                                                                                                                                                                      | 27        |
| 13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển<br>nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu: .....                                                                                         | 27        |
| <b>VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU .....</b>                                                                                                                                                         | <b>27</b> |
| <b>VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM<br/>NỢ PHẢI THU .....</b>                                                                                                                                | <b>28</b> |
| 1. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh.....                                                                                                                                                                              | 28        |
| 2. Tổ chức kiểm toán.....                                                                                                                                                                                                  | 28        |
| 3. Tổ chức thẩm định giá:.....                                                                                                                                                                                             | 28        |
| <b>VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM KHOẢN NỢ PHẢI THU<br/>CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG<br/>TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU<br/>CHUYỂN NHƯỢNG.....</b> | <b>28</b> |
| <b>IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ<br/>PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....</b>                                                                                        | <b>28</b> |

**I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Tổ chức là chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng

**CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM**

Người đại diện: **Ông Nguyễn Hải Đông**

Chức vụ: Phó Trưởng ban phụ trách Ban Mua bán nợ 1

*(Theo Giấy ủy quyền số 56/UQ-MBN ngày 27/10/2021 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam).*

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

**II. CÁC KHÁI NIỆM****1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau**

- Tổ chức là chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam
- DATC: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam
- Công ty có lô cổ phần kèm nợ phải thu của chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng/ LM3: Công ty Cổ phần LILAMA 3
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
- Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần LILAMA 3 đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần LILAMA 3 thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

**2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau**

- BCTC Báo cáo tài chính
- BKS Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- ĐKDN Đăng ký doanh nghiệp
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TGD Tổng giám đốc
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP Công ty Cổ phần
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- SXKD Sản xuất kinh doanh

### III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG

#### 1. Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 1.1. Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng:

- Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM
- Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM
- Tên viết tắt: DATC
- Trụ sở chính: Số 51 Phố Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3945 4738
- Fax: (84-24) 3945 4737
- Logo 
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0101431355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/12/2003, thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2021.

- Vốn điều lệ: 6.000.000.000.000 đồng (Sáu nghìn tỷ đồng)

## 1.2. **Quá trình hình thành và phát triển**

Thực hiện Nghị Quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 5/6/2003 thành lập Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp, với vốn điều lệ 2.000.000.000.000 đồng do Ngân sách Nhà nước cấp và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/1/2004, được công nhận Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt theo Quyết định số 55/2004/QĐ - TTg ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu xử lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, vật tư ứ đọng kém, mất phẩm chất (gọi tắt là nợ và tài sản tồn đọng) góp phần lành mạnh hoá tình hình tài chính doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình sắp xếp và chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước.

Ngày 29/4/2014 Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty TNHH nhà nước một thành viên và đồng thời đổi tên công ty thành Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, mã số doanh nghiệp 0101431355 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Kể từ khi thành lập tới nay, với tiềm năng và sự nhiệt huyết, sáng tạo sẵn có của đội ngũ cán bộ nhân viên và sự nhạy bén, dày dặn kinh nghiệm từ Ban Lãnh đạo, Công ty đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, đổi mới, ngày một lớn mạnh với từng bước đi vững chắc, gây dựng niềm tin ở các nhà đầu tư cũng như sự tín nhiệm của khách hàng đối với hoạt động của Công ty. Hiện nay, phạm vi hoạt động của Công ty đã được mở rộng, ngoài Trụ sở chính tại Hà Nội còn có thêm các Chi nhánh, Trung tâm tại Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và các đơn vị thành viên khác trên khắp các địa bàn trong cả nước.

## 2. **Mối quan hệ với công ty cổ phần có lô cổ phần kèm nợ phải thu đầu tư cần chuyển nhượng**

DATC là cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần LILAMA 3.

## 3. **Số cổ phần sở hữu**

Số cổ phần thuộc sở hữu của DATC tại Công ty Cổ phần LILAMA 3 là **2.563.600** cổ phần (chiếm tỷ lệ **49,78%** tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

## IV. **TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3)**

### 1. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

#### 1.1. **Thông tin chung**

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3
- Tên công ty viết bằng LILAMA 3 JOINT STOCK COMPANY

tiếng Anh

- Tên gọi tắt: LILAMA 3.,JSC
- Trụ sở chính: Số 86, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 38182554
- Fax: (84-24) 38182550
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600104526 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/06/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 29/05/2019
- Vốn điều lệ: **51.500.000.000 đồng** (Năm mươi một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Lĩnh vực kinh doanh:

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                              |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 5022     | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                    |
| 2   | 4933     | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                         |
| 3   | 4931     | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                    |
| 4   | 4520     | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                         |
| 5   | 4542     | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                    |
| 6   | 4101     | Xây dựng nhà để ở                                                                                      |
| 7   | 4102     | Xây dựng nhà không để ở                                                                                |
| 8   | 4291     | Xây dựng công trình thủy                                                                               |
| 9   | 4292     | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                        |
| 10  | 3511     | Sản xuất điện                                                                                          |
| 11  | 3512     | Truyền tải và phân phối điện                                                                           |
| 12  | 3315     | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)              |
| 13  | 7110     | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                    |
| 14  | 6619     | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                              |
| 15  | 4752     | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh   |
| 16  | 4730     | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                              |
| 17  | 4741     | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 18  | 4661     | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                           |
| 19  | 4662     | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                    |
| 20  | 4663     | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                |

|    |                 |                                                                                          |
|----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | 4659            | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                          |
| 22 | 4390            | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                      |
| 23 | 3700            | Thoát nước và xử lý nước thải                                                            |
| 24 | 3600            | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                        |
| 25 | 3312            | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                               |
| 26 | 3099            | Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu                     |
| 27 | 2813            | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                               |
| 28 | 2815            | Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung                                                    |
| 29 | 2816            | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                |
| 30 | 2829            | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                            |
| 31 | 2740            | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                        |
| 32 | 2750            | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                |
| 33 | 2599            | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                              |
| 34 | 2022            | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít           |
| 35 | 1701            | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                           |
| 36 | 1629            | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện |
| 37 | 0899            | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                  |
| 38 | 5224            | Bốc xếp hàng hóa                                                                         |
| 39 | 8299            | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                  |
| 40 | 4690            | Bán buôn tổng hợp                                                                        |
| 41 | 6810            | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê    |
| 42 | 3320<br>(Chính) | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                  |
| 43 | 4329            | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                           |
| 44 | 7410            | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                           |
| 45 | 4312            | Chuẩn bị mặt bằng                                                                        |
| 46 | 2399            | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                |
| 47 | 5229            | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                      |
| 48 | 4932            | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                         |
| 49 | 4940            | Vận tải đường ống                                                                        |
| 50 | 5021            | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                    |
| 51 | 2410            | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                 |

### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam, có tiền thân

là Công trường lắp máy C1 Việt Trì được thành lập vào ngày 01/12/1960, sau được đổi tên thành Công ty Lắp máy và Xây dựng số 3.

Tháng 6/2006, Công ty được chuyển đổi mô hình hoạt động theo Quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng. Tháng 6/2007, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng.

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là LM3.

Ngày 31/03/2016, Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Lilama đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Lilama 3 cho Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC).

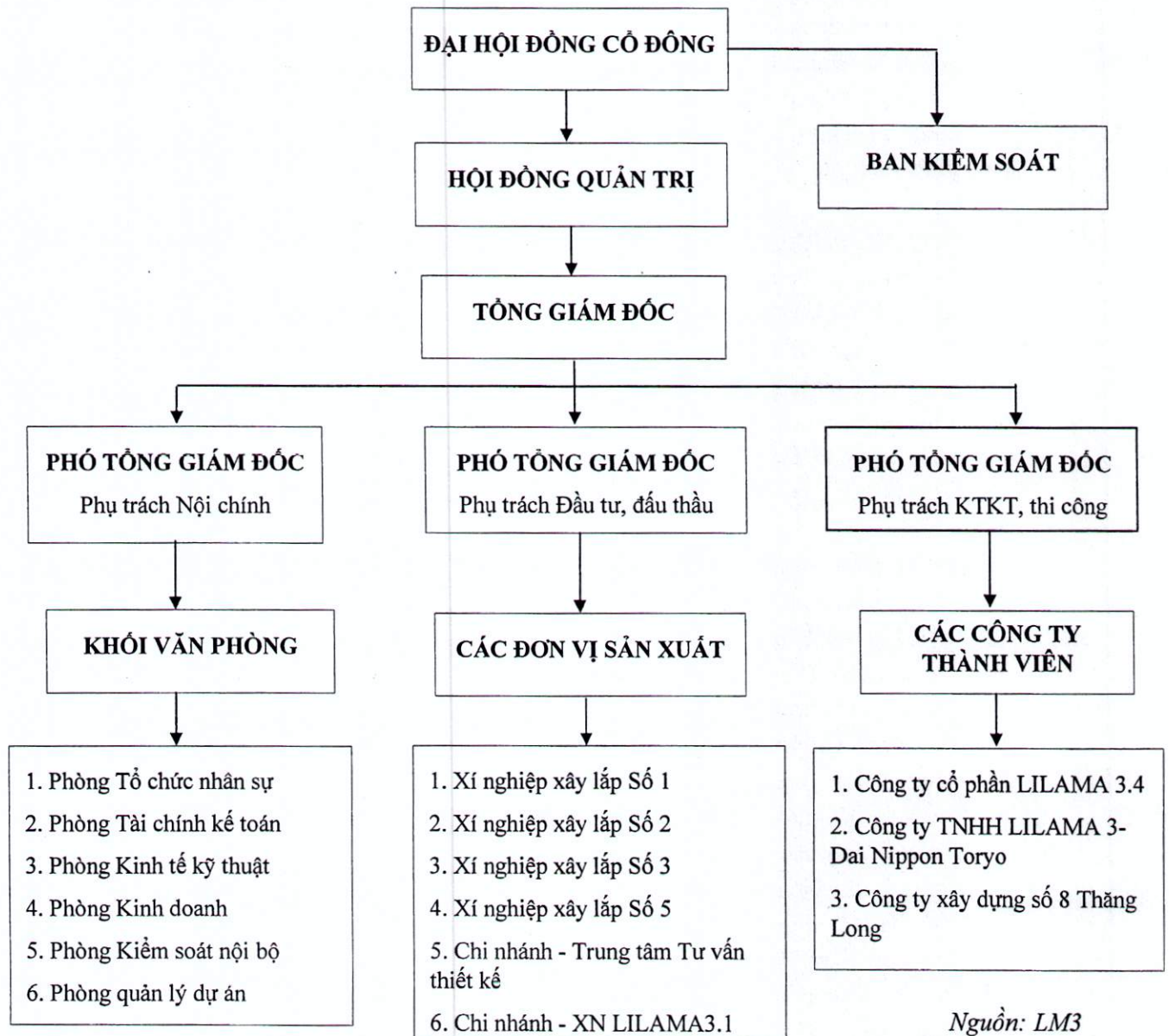
Ngày 20/04/2015, Cổ phiếu LM3 bị hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội do không đáp ứng các điều kiện của Công ty niêm yết, và được chuyển giao dịch cổ phiếu tại sàn Upcom ngày 15/05/2015.

Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, đến nay, với gần 1.000 cán bộ nhân viên, công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ thống thiết bị thi công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường, từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước. Một số dự án tiêu biểu có thể kể đến như:

- Các Nhà máy nhiệt điện (NĐ): NĐ Phả Lại, NĐ Uông Bí, NĐ Phú Mỹ, NĐ Barh-Ấn Độ, NĐ An Khánh, NĐ Vũng Áng, NĐ Mông Dương; NĐ Duyên Hải 3; NĐ Vĩnh Tân 4; NĐ Vĩnh Tân 4 Mở rộng; NĐ Thái Bình 2; NĐ Sông Hậu 1; NĐ Nghi Sơn 2;
- Các nhà máy Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, Ngòi Phát, Nậm Mạ;
- Các Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chínfon Hải Phòng, Bim Sơn, XM Nghi Sơn, XM Bút Sơn, XM Cẩm Phả, XM Yên Bình, Yên Bái, XM Sông Thao, XM Hồng Phong – Lạng Sơn; NM TOTO Việt Nam;
- Các Nhà máy giấy: Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuống, Giấy Phương Nam;
- Các Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phát lâm thao, Tuyển quặng Apatit Lào Cai, Nhà máy chế biến bột CACCO3 Bắc Kạn;
- Các nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quỳ Hợp, Bia Tiger, Bã Bia Mê Linh,
- Các dự án khác: Dự án Đóng sông vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, Công trình Honda Việt Nam, Nhà máy YAMAHA Việt Nam, Nhà máy điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, Chế tạo kết cấu thép Bộ Công An, Chế dầm thép cho công trình Cầu Nhật Tân.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty tiếp tục bị hạn chế giao dịch do Tổ chức kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019 của Công ty; Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ năm 2019 – 2020 có ý kiến ngoại trừ của Tổ chức kiểm toán. Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 đến 2020 là số không dương.



**2. Cơ cấu tổ chức công ty:**

Nguồn: LM3

**Trong đó:**

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, ...
- ❖ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- ❖ **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp

pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho ĐHĐCĐ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

*Tổng giám đốc* Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

*Các Phó Tổng giám đốc* giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

❖ **Khối văn phòng:**

- Phòng Tổ chức Nhân sự: tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các công tác liên quan đến nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty. Tổ chức xây dựng chế độ lương, thưởng, định mức lao động, quản lý hồ sơ lao động của Công ty. Thực hiện nghiệp vụ hành chính, giám sát thực hiện nội quy, quy tắc lao động của Công ty.
- Phòng Tài chính Kế toán: Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính - kế toán, tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty. Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định hiện hành.
- Phòng Kinh tế Kỹ thuật: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc các công việc cụ thể sau: Thực hiện công tác đấu thầu, kiến tạo các hợp đồng kinh tế; Định mức kinh tế kỹ thuật, công tác giao khoán, thanh quyết toán công trình với các đơn vị thi công, kiểm soát chi phí, hạch toán lãi lỗ của toàn bộ dự án, thanh quyết toán các công trình với chủ đầu tư; Quản lý công tác An toàn lao động, bảo hộ tại các công trình Công ty thực hiện; Kiểm soát và thực hiện công tác ISO trong toàn công ty
- Phòng Kinh doanh: Tham mưu cho Tổng giám đốc các công việc sau: Mua sắm, quản lý khai thác thanh lý vật tư. Mua sắm quản lý vận hành khai thác, sửa chữa, thanh lý thiết bị..
- Phòng Kiểm soát nội bộ: là bộ phận có chức năng dự báo, phát hiện ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro gắn liền với các hoạt động của Công ty
- Phòng Quản lý dự án: Tham mưu tư vấn cho Ban giám đốc công ty về các vấn đề liên quan đến việc quản lý quá trình thực hiện dự án đồng thời nghiên cứu tìm ra phương án hiệu quả để phát triển các dự án nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường

❖ **Các đơn vị sản xuất:**

Công ty cổ phần LILAMA 3 hiện có 2 chi nhánh và 4 xí nghiệp xây lắp như sau:

- Chi nhánh – Trung tâm tư vấn thiết kế: chịu trách nhiệm trong việc khảo sát, đo đạc và lên mẫu thiết kế cho các công trình trong dự án mà Công ty tham gia .....

- Chi nhánh – Xí nghiệp LILAMA 3.1: đã tạm dừng hoạt động
- ❖ **Các xí nghiệp xây lắp:** là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Lilama 3, hạch toán báo sổ, thực hiện nhiệm vụ do Công ty cổ phần Lilama 3 giao thông qua hợp đồng giao khoán, được chủ động tìm kiếm, khai thác các hợp đồng kinh tế, báo cáo công ty phê duyệt và ủy quyền cho xí nghiệp tổ chức thực hiện đảm bảo việc làm và chi trả tiền lương cho người lao động tại xí nghiệp
- ❖ **Các đơn vị thành viên:**
  - Công ty cổ phần LILAMA 3.3: được thành lập theo quyết định số 34/TCT-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Lilama 3.3 của Công ty cổ phần Lilama 3 ngày 02 tháng 02 năm 2010. (được hợp nhất trong báo cáo tài chính 2020) – Được thành lập theo Đăng ký kinh doanh số 0104489681 – Do Sở KH & ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/02/2010 và cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 24/3/2010. Hiện LILAMA3 đã thoái toàn bộ vốn góp tại LILAMA3.3 trong tháng 7/2021.
  - Công ty Cổ phần LILAMA 3.4: Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3. Hiện nay LM3 đang nắm giữ 299.000 cổ phần, tương ứng với 59,36% vốn điều lệ. Hiện công ty này đã ngừng hoạt động từ năm 2017 đến nay. Được thành lập theo Đăng ký kinh doanh số 2600658877 lần đầu ngày 06/01/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 09/01/2017.
  - Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO: được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 21/03/20210 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 3. Hiện nay LM3 đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của công ty. Được thành lập theo Đăng ký kinh doanh số 012022000320 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/07/2010, thay đổi lần gần nhất ngày 29/7/20213).
  - Công ty CP Xây dựng số 8 Thăng Long (TL8) : Đầu năm 2019 LILAMA3 mua lại 540.000 cổ phần, tương ứng 36% vốn điều lệ của TL8 từ DATC và 36% vốn điều lệ của TL8 từ Tổng công ty Thăng Long, nâng tổng mức sở hữu cổ phần tại công ty này lên 72% vốn điều lệ. Được thành lập theo Đăng ký kinh doanh số 0100105542 ngày 02/5/1996 và thay đổi lần thứ 8 ngày 21/4/2020.

### 3. Cơ cấu cổ đông

| STT | Tên cổ đông                      | Số cổ phần | Giá trị (VND)  | Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ thực góp |
|-----|----------------------------------|------------|----------------|----------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam | 2.563.600  | 25.636.000.000 | 49,78%                           |
| 2   | Các cổ đông khác                 | 2.586.400  | 25.864.000.000 | 50,22%                           |

| STT | Tên cổ đông      | Số cổ phần       | Giá trị (VND)         | Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ thực góp |
|-----|------------------|------------------|-----------------------|----------------------------------|
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>5.150.000</b> | <b>51.500.000.000</b> | <b>100,0%</b>                    |

Nguồn: LM3

4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

**Công ty mẹ**

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2019          | Năm 2020          | % tăng giảm | Quý 2/2021        |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 339.115.644.807   | 120.405.885.905   | (64,49%)    | 127.926.135.940   |
| Vốn chủ sở hữu                    | (324.927.282.292) | (469.145.559.225) | 44,38%      | (475.455.962.257) |
| Doanh thu thuần                   | 110.105.258.555   | 73.400.705.123    | (33,34%)    | 16.645.933.754    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (34.865.608.592)  | (25.490.964.565)  | (26,89%)    | (6.170.966.516)   |
| Lợi nhuận khác                    | (3.524.506.603)   | (118.727.312.368) | 3.268,62%   | (139.436.516)     |
| Lợi nhuận trước thuế              | (38.390.115.195)  | (144.218.276.933) | 275,67%     | (6.310.403.032)   |
| Lợi nhuận sau thuế                | (38.390.115.195)  | (144.218.276.933) | 275,67%     | (6.310.403.032)   |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | -                 | -                 | -           | -                 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã kiểm toán của Công ty; BCTC Quý 2/2021 của Công ty

**Hợp nhất**

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2019          | Năm 2020          | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 382.839.587.094   | 156.928.955.199   | (59,01%)    |
| Vốn chủ sở hữu                    | (359.192.721.704) | (503.820.190.479) | 40,26%      |
| Doanh thu thuần                   | 126.909.379.652   | 99.783.442.091    | (21,37%)    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (47.090.031.484)  | (25.419.759.543)  | (46,02%)    |
| Lợi nhuận khác                    | (3.892.403.152)   | (119.273.859.768) | 2.964,27%   |
| Lợi nhuận trước thuế              | (50.982.434.636)  | (144.693.619.311) | 183,81%     |
| Lợi nhuận sau thuế                | (50.982.434.636)  | (144.693.619.311) | 183,81%     |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | -                 | -                 | -           |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán của Công ty

(\*) CTCP LILAMA 3 có công ty con là CTCP Xây dựng số 8 Thăng Long, tuy nhiên công ty con này không được hợp nhất vào BCTC Hợp nhất của Công ty mẹ năm 2019 -2020. Hiện Công ty CTCP XD Thăng Long 8 không có hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ yếu các lao động hiện duy trì hoạt động hàng ngày của Công ty, chuẩn bị hồ sơ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và tình hình công ty nhằm làm rõ thực trạng hiện nay của Công ty, những tồn tại, khó khăn và vướng mắc để có cơ sở đưa ra phương án, định hướng phát triển trong thời gian tới.

❖ Ý kiến của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

**Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2019**

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- (1) Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng.
- (2) Như tại thuyết minh báo cáo tài chính V.10, chi phí xây dựng nhà máy đóng tàu Bạch Hạc tại ngày 31/12/2019 và tại ngày 31/12/2018 là 121.600.423.358 đồng. Công ty chưa xác định được giá trị tổn thất của dự án nhà máy đóng tàu Bạch Hạc này. Vì vậy chúng tôi cũng không thể xác định được giá trị tổn thất có thể phát sinh từ các nghiệp vụ về dự án đầu tư này đến các chỉ tiêu có liên quan trong Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.
- (3) Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với giá trị khoảng 32 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản cộng nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 73 tỷ đồng và các khoản công nợ phải trả ngắn hạn khác với giá trị khoảng 16 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2019 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (4) Như trình bày Thuyết minh số VIII.10, trong năm tài chính 2019, Công ty tiếp tục lỗ 38.390.115.195 đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2019 là 398.084.710.641 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 324.927.282.292 đồng. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 544.608.714.308 đồng. Đồng thời chúng tôi không có bằng chứng nào liên quan đến việc cam kết thanh toán hay giãn nợ nếu đến hạn thanh toán. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 3 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019**

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

- (1) Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.
- (2) Báo cáo tài chính năm 2017, 2018 và 2019 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 27.567.372.098 đồng của công ty con này tại ngày 31/12/2019 khi hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 hay không.
- (3) Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Hợp nhất gồm: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng.
- (4) Như tại thuyết minh báo cáo tài chính V.10, chi phí xây dựng nhà máy đóng tàu Bạch Hạc tại ngày 31/12/2019 và tại ngày 31/12/2018 là 121.600.423.358 đồng. Công ty chưa xác định được giá trị tổn thất của dự án nhà máy đóng tàu Bạch Hạc này. Vì vậy chúng tôi cũng không thể xác định được giá trị tổn thất có thể phát sinh từ các nghiệp vụ về dự án đầu tư này đến các chỉ tiêu có liên quan trong Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.
- (5) Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với giá trị khoảng 32 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 73 tỷ đồng và các khoản công nợ phải trả ngắn hạn khác với giá trị khoảng 16 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho

phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2019 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

- (6) Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 19-02-00643-20-1 ngày 04/03/2020, theo đó, Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục mặc dù lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 906.786.260 VNĐ (2018: Lỗ thuần sau thuế là 261.319.772 VNĐ) và tại ngày 31/12/2019 lỗ lũy kế của Công ty là 8.511.775.426 VNĐ (01/01/2019: 7.604.989.166 VNĐ). Ngày 05/12/2017, Hội đồng quản trị của Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Ý định này của Hội đồng quản trị đã được ghi lại trong Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 05/12/2017. Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán, Hội đồng quản trị của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần vốn sở hữu của hai nhà đầu tư trong công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên, khả năng cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty này phụ thuộc vào các điều kiện sau:

- Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ;
- Ban Giám đốc Công ty Dai Nippon Co.Ltd phê duyệt sau khi Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ; và
- Việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư của công ty về cơ cấu lại phần vốn chủ sở hữu hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty được lập dựa vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty con này.

- (7) Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Lilama 3.3 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 53/2020/BCKT/BCTC-CPA HANOI ngày 26/03/2020, theo đó Kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc: Đến thời điểm phát hành Báo cáo, kiểm toán viên chưa nhận được các thư xác nhận của khoản phải thu khách hàng ngắn hạn với giá trị khoảng 11 tỷ đồng tương đương với 80% và khoản phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 6 tỷ tương đương với 20%. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, kiểm toán viên cũng không xác định được số dư của các khoản công nợ này và không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu chênh lệch liên quan đến công nợ phải thu, phải trả trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.
- (8) Như trình bày Thuyết minh số VIII.10, khoản lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2019 của Công ty và Công ty con là 424.846.542.542 đồng, đã vượt vốn chủ sở hữu là 351.256.827.570 đồng. Tại ngày 31/12/2019, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty và các

Công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn 578.220.540.377 đồng. Đồng thời chúng tôi không có bằng chứng nào liên quan đến việc cam kết thanh toán hay giãn nợ nếu đến hạn thanh toán. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

***Từ chối đưa ra ý kiến***

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

**❖ Ý kiến của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020**

**Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020**

***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

- (1) Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng.
- (2) Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với giá trị khoảng 46 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 23 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2020 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.
- (3) Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (144.218.276.933) đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2019 là (542.302.987.574) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu (469.145.559.225) đồng. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 479.901.370.974 đồng. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

***Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ:***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía

cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 3 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

***Vấn đề khác:***

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 135A/BCKT/TC ngày 09/04/2020, theo đó Kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc: Trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng; Không xác định được giá trị tổn thất có thể phát sinh liên quan đến tổn thất của dự án nhà máy đóng tàu Bạch Hạc; Chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả và khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020**

***Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến***

- (1) Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.
- (2) Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019 và 2020 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 28.394.459.795 đồng của công ty con này tại ngày 31/12/2020 khi hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 hay không.
- (3) Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Hợp nhất gồm: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng lên và giảm đi cùng số tiền 4.110.000.000 đồng.
- (4) Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toriyō được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 20-02-00569-2-1 ngày 19/03/2020, theo đó, Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về giá định hoạt động liên tục (lỗ thuần sau thuế năm 2020 của Công ty là 509.293.659 đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 9.021.069.085 đồng. Ngày 05/12/2017, Hội đồng quản trị

của Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Ý định này của Hội đồng quản trị đã được ghi lại trong Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 05/12/2017. Tại ngày ngày của Báo cáo này, Hội đồng quản trị của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần vốn sở hữu của hai nhà đầu tư trong công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên, khả năng cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty này phụ thuộc vào các điều kiện sau:

- Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ;
- Ban Giám đốc Công ty Dai Nippon Co.Ltd phê duyệt sau khi Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ; và
- Việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư của công ty về cơ cấu lại phần vốn chủ sở hữu hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty được lập dựa vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty con này.

- (5) Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với giá trị khoảng 46 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 23 tỷ. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2020 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (6) Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (144.218.276.933) đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2019 là (542.302.987.574) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu (469.145.559.225) đồng. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 479.901.370.974 đồng. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

#### ***Từ chối đưa ra ý kiến***

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

#### ***Vấn đề khác:***

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí biểu quyết không thông qua Báo cáo

tài chính năm 2020. Trong đó không chấp thuận việc hạch toán khoản chi 71.391.018.932 đồng vào chi phí năm 2020 mà phải xem xét chờ xử lý trong thời gian hoàn thiện hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện quyết toán theo quy định, việc hạch toán vào chi phí sẽ được xem xét chấp thuận khi có đủ hồ sơ quyết toán.

#### 5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

##### Công ty mẹ

| Chỉ tiêu                                                                   | Đơn vị tính | 2019      | 2020      |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|-----------|
| <b><u>1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></b>                            |             |           |           |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                               | Lần         | 0,18      | 0,19      |
| Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn                  | Lần         | 0,13      | 0,15      |
| <b><u>2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u></b>                                     |             |           |           |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                      | %           | 195,82%   | 489,64%   |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                    | %           | (204,37%) | (125,66%) |
| <b><u>3.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u></b>                              |             |           |           |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                   | %           | (34,87%)  | (196,48%) |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                    | %           | 11,81%    | 30,74%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                      | %           | (11,32%)  | (119,78%) |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần                    | %           | (31,67%)  | (34,73%)  |
| Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP) | đồng        | (7.454)   | (28.004)  |

##### Hợp nhất

| Chỉ tiêu                                                  | Đơn vị tính | 2019      | 2020      |
|-----------------------------------------------------------|-------------|-----------|-----------|
| <b><u>1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></b>           |             |           |           |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)              | Lần         | 0,22      | 0,22      |
| Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần         | 0,13      | 0,16      |
| <b><u>2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u></b>                    |             |           |           |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                     | %           | 193,82%   | 421,04%   |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                   | %           | (206,58%) | (131,15%) |
| <b><u>3.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u></b>             |             |           |           |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                  | %           | (40,17%)  | (145,01%) |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                   | %           | 14,19%    | 28,72%    |

|                                                                               |      |          |          |
|-------------------------------------------------------------------------------|------|----------|----------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                         | %    | (13,32%) | (92,20%) |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần                       | %    | (37,11%) | (25,47%) |
| Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP)<br>(Mệnh giá: 10.000đ/CP) | đồng | (9.900)  | (28.096) |

**6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021****Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021 - Công ty mẹ**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                  | Năm 2020  | Năm 2021 |                             | Kế hoạch năm 2022 |
|-------------------------------------------|-----------|----------|-----------------------------|-------------------|
|                                           |           | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2020 |                   |
| Doanh thu thuần                           | 73.400    | 82.921   | 12,9                        | 89.554            |
| Lợi nhuận sau thuế                        | (144.218) | (12.286) | 131.932                     | 290.554           |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | (145,01%) | (14,81%) | 130,19%                     | 3.24445           |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu  | (28,72%)  | (23,85%) | (4,87)                      | 5.64182           |
| Tỷ lệ chia cổ tức                         | -         | -        | -                           | -                 |

Nguồn: LILAMA 3

**Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

- Đối với năm 2021: Kế hoạch SXKD được xây dựng dựa trên việc chuyển tiếp các công trình từ năm 2019 và năm 2020 và các công trình mà công ty đang tiếp xúc, đây là các công trình nằm trong khả năng thực hiện và là thế mạnh của LILAMA3 ( chủ yếu là ống khói các nhà máy nhiệt điện).

- Đối với các năm tiếp theo: Công ty đặt ra mục tiêu tăng trưởng ít nhất 10%/năm, phần đầu năm 2022 kết quả sản xuất kinh doanh của LILAMA3 có lãi.

**7. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Hiện nay, LM3 đang quản lý và sử dụng cơ sở nhà, đất sau:

| TT | Địa chỉ đất                                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng                                 | Hồ sơ pháp lý                                                                                                                                                                   | Hình thức, thời hạn sử dụng                                                                                                                                                                                                                 |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phường Thọ Sơn và Phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 10.689,6                    | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (Xí nghiệp SX-KD). | Hợp đồng thuê đất số 300A/HĐTĐ ngày 19/10/2009 giữa Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Phú Thọ và Bên thuê đất là Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 (Nay là Công ty Cổ phần Lilama 3) | Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn thuê đất: 20 năm tính từ ngày 1/1/1996 đến hết ngày 1/1/2016 (đã hết hạn 5 năm) Hiện tại công ty sử dụng làm văn phòng làm việc, xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ khác.. |

*Nguồn: Chứng thư định giá số 61/2021/CTTĐG/CPAHANOI ngày 28/07/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI)*

- Hiện tại, LILAMA 3 đang thuê văn phòng tại trụ sở của Công ty cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long làm văn phòng làm việc và trụ sở chính trên Giấy ĐKKD của Công ty.

**8. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu**

Không có.

**9. Thông tin về Khoản nợ phải thu tại LM3 bán kèm cổ phần**

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/05/2021, đến thời điểm ngày 31/03/2021 Lilama 3 còn nợ DATC số tiền là 375.060.801.595 đồng (Trong đó Nợ gốc: 148.705.200.000 đồng; Nợ lãi: 226.355.601.595 đồng)

Giá trị khoản nợ phải thu xác định bằng giá trị tài sản đảm bảo theo Chứng thư định giá số 61/2021/CTTĐG/CPAHANOI ngày 28/07/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI)

|   | Chỉ tiêu                                                                                              | Giá trị (đồng)       |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1 | Giá trị tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải                                      | 4.095.769.053        |
| 2 | Giá trị lợi thế Quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản đảm bảo cho khoản nợ                           | -                    |
|   | Giá trị tài sản đảm bảo cho khoản nợ phải thu của DATC tại CTCP LILAMA 3 tại thời điểm ngày 31/3/2021 | 4.095.769.053        |
|   | <b>Giá trị khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty CP LILAMA 3 được làm tròn số</b>                    | <b>4.096.000.000</b> |

**Danh mục tài sản đảm bảo cho khoản nợ phải thu**

| STT | Tên tài sản                                                                                                                                     | Năm đưa vào sử dụng | Giá trị thẩm định (VNĐ) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|
| I   | Máy móc, thiết bị Lillama3 xin giữ lại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc                                 |                     |                         |
| 1   | Công trục dầm đơn 5 tấn                                                                                                                         | 2010                | 142.537.812             |
| 2   | Công trục dầm đơn 16 tấn                                                                                                                        | 2010                | 413.920.307             |
| 3   | Cầu trục dầm đơn 5T                                                                                                                             | 2010                | 98.137.595              |
| 4   | Cầu trục dầm đơn 5T                                                                                                                             | 2010                | 98.137.595              |
| 5   | Máy hàn điện một chiều kiểu LHD 400 (C0138)                                                                                                     | 2010                | 4.200.000               |
| 6   | Máy hàn 6 mỏ ZPG 6/300 - 1000 (kèm 6 trục hàn)                                                                                                  | 2010                | 35.826.809              |
| 7   | Máy hàn 6 mỏ ZPG 6/300 - 1000 (kèm 6 trục hàn)                                                                                                  | 2010                | 21.496.085              |
| 8   | Xe dẫn dầu hàn tự động cho máy hàn MIG/MAG SH-720-M8                                                                                            | 2010                | 37.280.000              |
| 9   | Xe dẫn dầu hàn tự động cho máy hàn MIG/MAG SH-720-M8                                                                                            | 2010                | 4.660.000               |
| 10  | Máy hàn MAG 500 VTASS                                                                                                                           | 2010                | 16.772.171              |
| 11  | Máy hàn MAG 500 VTASS                                                                                                                           | 2010                | 67.088.683              |
| 12  | Máy chần tôn CNC HAP                                                                                                                            | 2010                | 655.159.780             |
| 13  | Máy cắt CNC super cut - 6000DD                                                                                                                  | 2010                | 402.468.000             |
| 14  | Máy nắn thẳng cánh dầm thủy lực                                                                                                                 | 2011                | 414.375.000             |
| 15  | Thiết bị phụ trợ khác                                                                                                                           | 2010                | 30.108.400              |
| -   | Máy cắt rửa                                                                                                                                     | 2010                | 9.897.600               |
| -   | Bộ mô cắt Gas, Oxy                                                                                                                              | 2010                | 3.755.200               |
| -   | Máy thổi than WTDC 630                                                                                                                          | 2010                | 12.800.000              |
| -   | Tủ xây thuốc hàn HF 200                                                                                                                         | 2010                | 3.655.600               |
| 16  | Thiết bị văn phòng 1 + 2                                                                                                                        | 2010                | 74.118.000              |
| 17  | Sàn thao tác + giá kê                                                                                                                           | 2011                | 455.681.745             |
| 18  | Xe Gòong                                                                                                                                        | 2011                | 40.450.741              |
| II  | Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải còn lại theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 79/HĐTC ngày 04/06/2008 giữa LILAMA 3 và Vietinbank CN Đông Anh |                     |                         |
| 1   | Máy nén khí ATLAS kiểu vít Model GA55+75 (Số: API 602288)                                                                                       | 08/08/2007          | 64.340.325              |
| 2   | Máy phát điện 250KVA MITSUBISHI 380V-50HZ có vỏ chống ồn                                                                                        | 12/31/2006          | 46.000.000              |
| 3   | Máy hàn                                                                                                                                         |                     |                         |
| -   | Máy hàn 6 mỏ MHD-1000 (Số máy: 087, kèm theo 6 biển trờ: 0-30307; 0-030407; 0-030607; 0-030707; 0-030907; 33108)                                | 12/16/2006          | 9.960.000               |
| -   | Máy hàn 1 chiều 6 mỏ ENT1001 (số máy: 10013) kèm theo 06 biển trờ số: 3-10011; 3-10022; 3-10033; 3-10044; 3-10055; 3-10066                      | 3/22/2007           | 9.524.000               |

|                  |                                                                                                                                                      |           |                      |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------|
| -                | Máy hàn 1 chiều 6 mô ENT1001 (số máy: 33101; 33102; 33103; 33104; 33105; 10012) kèm theo 06 biển trở số: 33100; 331010; 331011; 33106; 33109; 030807 | 3/16/2007 | 9.524.000            |
| -                | Máy hàn 1 chiều 6 mô ENT1001 (số máy: 10011) kèm theo 06 biển trở số: 33107; 331010; 331011; 33106; 33109; 030807                                    | 3/22/2007 | 9.524.000            |
| -                | Máy hàn 1 chiều 6 mô ENT1001 (số máy: 10014)                                                                                                         | 3/25/2007 | 9.524.000            |
| -                | Máy hàn 1 chiều 6 mô ENT1001 (số máy: 10015) kèm theo 06 biển trở số: 3304; 3305; 3306; 3307; 3308; 3309                                             |           |                      |
| -                | Tủ sấy que hàn YCH200Kg (1cái)                                                                                                                       | 5/5/2007  | 7.600.000            |
| -                | Tủ sấy que hàn YCH 200                                                                                                                               | 6/15/2007 | 7.600.000            |
| -                | Tủ sấy que hàn YCH 200                                                                                                                               | 8/28/2007 | 7.600.000            |
| -                | Tủ sấy que hàn 200kg (SM: 061210-3)                                                                                                                  | 8/28/2007 | 7.600.000            |
| -                | Máy hàn Accu TIG 300P (07 cái) (Số thẻ 35;36;32;144;145;146;146)                                                                                     | 1/19/2007 | 37.447.120           |
| 4                | Máy cắt tôn thủy lực hiện thị số kiểu: QC 12Y 12x6000 (Số: 60912)                                                                                    | 2/8/2005  | 256.708.000          |
| 5                | Máy doa ngang SBN-20                                                                                                                                 |           | 81.047.619           |
| 6                | Máy khoan cần V080 KOVO SVIT số: 151210206                                                                                                           | 6/30/2006 | 51.428.571           |
| 7                | Máy đột lỗ thủy lực                                                                                                                                  | 4/5/2010  | 9.631.541            |
| 8                | Máy bơm dầu thủy lực HPD-05                                                                                                                          | 05/07/07  | 10.562.505           |
| 9                | Bộ kích 400T                                                                                                                                         | 05/07/07  | 40.273.952           |
| 10               | Bộ rửa 400T RS400-ERSD                                                                                                                               | 07/08/07  | 18.840.048           |
| 11               | Phụ tùng tiện vận tải                                                                                                                                |           |                      |
| -                | Xe Sơ mi romooc lùn (fooc) 19R-0065                                                                                                                  |           | 60.414.857           |
| -                | Xe nâng 7 tấn MITSUBISHI                                                                                                                             | 2003      | 148.653.600          |
| -                | Xe đầu kéo SINOTRUK HOWO Z4257s3241W (29C-92229)                                                                                                     | 13/7/2007 | 129.745.619          |
| -                | Xe Sô mi romooc Jupiter-SGJ9250TJZG (29R-00265)                                                                                                      | 13/7/2007 | 40.276.571           |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                                                                                      |           | <b>4.095.769.053</b> |

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC HIỆN CHUYÊN NHƯỢNG LỖ CỐ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến chuyên nhượng

- Tổng số lượng cổ phần chuyên nhượng: 2.563.600 cổ phần tương ứng tỷ lệ 49,78% vốn điều lệ (Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần).

- Tổng giá trị khoản nợ phải thu thực hiện chuyển nhượng theo sổ sách tại thời điểm 31/03/2021 là: 375.060.801.595 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 148.705.200.000 đồng; Nợ lãi: 226.355.601.595 đồng).

**4. Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh:** 9.340.000.000 đồng/lô cổ phần kèm nợ phải thu, trong đó:

- Giá bán 2.563.600 cổ phần là: 3.400.000.000 đồng
- Giá bán khoản nợ phải thu là: 5.940.000.000 đồng

**5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm**

- ❖ Công ty Cổ phần LILAMA 3 là công ty cổ phần đã niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, căn cứ quy định tại Điểm d Khoản 15 Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ:

Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Khi xác định giá khởi điểm phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của Nhà nước đầu tư bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị thương hiệu (trong đó bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử) vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).

Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tỷ lệ Nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ và giá trị vốn nhà nước nắm giữ trong vốn điều lệ phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo giá trị chuyển nhượng không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng trên báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước. Giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng được xác định theo giá trị vốn chủ sở hữu ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp nhận vốn góp và tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc xác định giá khởi điểm đảm bảo theo các quy

định trên và quy định sau:

- Mức giá khởi điểm do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

- Đối với công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tổng khối lượng cổ phần phải chuyển nhượng có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán và giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.”

Căn cứ Chứng thư định giá số 61/2021/CTTĐG/CPAHANOI ngày 28/07/2021 của CPA Hà Nội. Kết quả thẩm định giá như sau:

- Giá trị 2.563.600 cổ phần thuộc sở hữu của DATC tại Công ty CP LILAMA 3
  - Giá trị theo phương pháp tài sản: (198.109.880.800) đồng
  - Giá trị theo phương pháp giá giao dịch: 3.390.567.742 đồng
- Giá trị khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty CP LILAMA 3:
  - Giá trị theo phương pháp giá định hoán đổi nợ thành cổ phần: (20.140.764.960) đồng
  - Giá trị theo phương pháp giá trị tài sản đảm bảo: 4.096.000.000 đồng

Để bảo toàn và tối đa hóa lợi ích nhà nước khi chuyển nhượng vốn, HĐQT của DATC đã ban hành Nghị quyết số 38/NQ-HĐTV ngày 24/09/2021 về việc phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của DATC tại Công ty Cổ phần LILAMA 3, theo đó mức giá khởi điểm chào bán lô cổ phần kèm nợ phải thu là: **9.340.000.000 đồng**. Trong đó:

- Giá bán 2.563.600 cổ phần là: 3.400.000.000 đồng
- Giá bán khoản nợ phải thu là: 5.940.000.000 đồng

#### **6. Phương thức chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu**

Chào bán cạnh tranh công khai (theo lô). Toàn bộ số cổ phần và khoản nợ phải thu được xác định là 01 (một) lô.

#### **7. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh**

Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

**8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu**

Quý IV/2021

**9. Thời gian đăng ký mua lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến**

Được quy định cụ thể tại Quy chế chào bán cạnh tranh lô cổ phần kèm nợ phải thu Công ty Cổ phần LILAMA 3 do SHS ban hành.

**10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LILAMA 3 hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài với một số ngành nghề có quy định cụ thể như sau:

| STT | Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan) | Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế) |
|-----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | Vận tải hành khách bằng đường bộ      | Nghị định 163/2017/NĐ-CP: Không quá 51%                                                                        | WTO, FTAs, AFAS: Không quá 49%                               |
| 2   | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ        | Nghị định 163/2017/NĐ-CP: Không quá 51%                                                                        | WTO, FTAs: Không vượt quá 49%<br>AFAS: Không quá 70%         |

Như vậy, tỷ lệ sở hữu của nước ngoài tối đa tại Công ty là **51%**.

Tại thời điểm ngày 20/10/2021, Công ty Cổ phần LILAMA 3 không có cổ đông nước ngoài.

**11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu**

Không có

**12. Các loại thuế có liên quan:**

Tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu:**

Nhà đầu tư trúng giá mua vốn kèm nợ phải thu có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các thỏa thuận về việc xử lý tài chính, tái cơ cấu doanh nghiệp giữa DATC; Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lilama) và Công ty cổ phần Lilama 3 từ DATC.

**VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU**

Việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty cổ phần LILAMA 3 được thực hiện theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐTV ngày 24/09/2021 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

Đồng thời, việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty cổ phần LILAMA 3 sẽ bổ sung vào dòng tiền thu được của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam một khoản ước tính theo giá khởi điểm là 9,3 tỷ đồng.

## **VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU**

### **1. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh**

#### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)**

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

### **2. Tổ chức kiểm toán**

#### **Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc**

Địa chỉ: 707, Tòa nhà Sunrise, D11 phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 32002016 Fax: 024 37950832

Website: [pkf.afcvietnam.vn](http://pkf.afcvietnam.vn)

### **3. Tổ chức thẩm định giá:**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Địa chỉ : Số 3 Ngõ 1295 đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.39745081/082 Fax: 024. 39745083

## **VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM KHOẢN NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG**

Bản công bố thông tin này nhằm mục đích cung cấp cho các nhà đầu tư quan tâm tham khảo các thông tin về tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần LILAMA 3 và khoản nợ phải thu của DATC tại LILAMA 3 cũng như các thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của DATC tại LILAMA 3. Các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu các thông tin trong

Bản công bố thông tin này, các tài liệu công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật khi thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu và tình hình thực tế của doanh nghiệp trước khi đăng ký tham gia chào giá cạnh tranh; đồng thời tự chịu trách nhiệm về quyết định tham gia của mình.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Ban Mua bán nợ 1 – Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam  
- Địa chỉ: Số 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ông Hoàng Mạnh Quảng – Số điện thoại: 024.39454738 (ex: 6007) - Mobile: 0913.113.379

**IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG**

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG**

**CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM**

**TUO TONG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TB PHỤ TRÁCH BAN MUA BÁN NỢ 1 ✓**



**NGUYỄN HẢI ĐÔNG**